

Số: 89/2017/CV

V/v: Giải trình Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ và Hợp nhất quý IV/2017

Hà nội, ngày 29 tháng 01 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Khoản 4.a Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất quý IV năm 2017, Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không Taseco (mã chứng khoán: AST) xin giải trình như sau:

• **Số liệu Công ty mẹ:**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quý IV		Tỷ lệ %
		2017	2016	2017/2016
1	Doanh thu thuần	67.992	47.576	143%
2	Lợi nhuận sau thuế	13.288	7.182	185%

* **Giải trình biến động:**

- Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế Quý IV/2017 của Công ty mẹ tăng lần lượt là 43% và 85% so với cùng kỳ năm 2016 là do Công ty mở rộng mạng lưới kinh doanh tăng thêm 04 địa điểm kinh doanh bách hoá tại Sân bay quốc tế Nội Bài và triển khai thêm các hợp đồng quảng cáo tại Sân bay quốc tế Đà Nẵng, đồng thời Công ty đã đẩy mạnh việc kinh doanh các nhóm hàng mới, cơ cấu lại hàng hoá, nhóm hàng có hiệu quả, phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

• **Số liệu hợp nhất:**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quý IV		Tỷ lệ %
		2017	2016	2017/2016
1	Doanh thu thuần	179.027	115.830	155%
2	Lợi nhuận sau thuế	37.894	18.081	210%



* *Giai trình biến động:*

- Doanh thu hợp nhất Quý IV/2017 tăng 55% và Lợi nhuận sau thuế tăng 110% so với cùng kỳ năm 2016 là do toàn Công ty đã mở rộng quy mô tăng thêm 18 địa điểm kinh doanh tại các cảng hàng không Nội Bài, Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn. Phú Quốc các địa điểm kinh doanh mới mở sau Quý III/2017 đã có sự ổn định và tăng trưởng đồng thời Công ty đã tập trung kinh doanh các nhóm hàng mới, nhóm hàng có hiệu quả kinh doanh cao.

Về kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh: Công ty kiểm soát tốt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm các chi phí.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Taseco về kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ và Hợp nhất quý IV năm 2017.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không
Taseco Nội Bài]

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 4 năm 2017

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 50

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		267.269.776.378	189.314.816.770
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	177.776.713.412	41.414.286.153
111	1. Tiền		32.922.424.790	41.414.286.153
112	2. Các khoản tương đương tiền		144.854.288.622	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.477.411.702	124.666.682.266
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	6.724.427.622	4.628.021.648
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	3.205.416.438	29.137.873.011
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.547.567.642	90.900.787.607
140	III. Hàng tồn kho	8	40.270.817.138	20.929.083.181
141	1. Hàng tồn kho		40.270.817.138	20.929.083.181
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		20.744.834.126	2.304.765.170
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	15.140.286.653	2.167.946.501
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.568.827.420	77.472.622
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		35.720.053	59.346.047
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		359.196.309.334	178.689.907.363
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		158.734.579.503	75.376.139.740
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	158.734.579.503	75.376.139.740
220	II. Tài sản cố định		134.368.961.053	97.194.642.180
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	125.925.021.910	88.785.197.675
222	Nguyên giá		156.145.277.658	103.437.151.557
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.220.255.748)	(14.651.953.882)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.443.939.143	8.409.444.505
228	Nguyên giá		8.806.816.588	8.606.816.588
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(362.877.445)	(197.372.083)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		30.000.000	751.601.271
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		30.000.000	751.601.271
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		57.206.875.250	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12	55.906.875.250	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.300.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.855.893.528	5.367.524.172
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	8.855.893.528	5.365.024.172
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	2.500.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		626.466.085.712	368.004.724.133

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		157.154.171.180	166.262.176.138
310	I. Nợ ngắn hạn		136.124.271.180	131.432.976.138
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	43.343.575.438	21.571.129.302
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	12.072.215.038	2.733.676.735
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	8.677.154.446	8.597.367.178
314	4. Phải trả người lao động		27.629.244.501	15.477.394.655
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.829.932.191	1.772.895.893
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	-	3.754.659.287
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.826.684.093	43.668.727.390
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	39.744.526.528	32.988.186.753
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		938.945	868.938.945
330	II. Nợ dài hạn		21.029.900.000	34.829.200.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		375.000.000	375.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	20.654.900.000	34.454.200.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		469.311.914.532	201.742.547.995
410	I. Vốn chủ sở hữu		469.311.914.532	201.742.547.995
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	19	360.000.000.000	160.480.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	160.480.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	105.244.809.226	41.438.712.534
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		26.684.369.274	98.944.279
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		78.560.439.952	41.339.768.255
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	4.067.105.306	(176.164.539)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		626.466.085.712	368.004.724.133

Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phụ trách kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 01 năm 2018

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 04 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4/2017	Quý 4/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016	Đơn vị tính: VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	179.027.471.401	115.830.083.290	659.026.353.204	316.889.542.561	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-	-	-	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	179.027.471.401	115.830.083.290	659.026.353.204	316.889.542.561	
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(88.697.613.808)	(57.072.624.230)	(310.875.833.343)	(148.447.292.324)	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		90.329.857.593	58.757.459.060	348.150.519.861	168.442.250.237	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	19.169.883.825	1.752.533.890	37.327.377.261	4.173.875.634	
22	7. Chi phí tài chính	23	(1.226.658.382)	(1.430.893.509)	(6.282.004.438)	(2.539.385.217)	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(976.716.949)	(1.413.486.002)	(5.845.444.988)	(2.521.436.580)	
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	12	(6.381.019.887)	-	(11.161.732.232)	-	
25	9. Chi phí bán hàng	24	(37.904.463.960)	(25.633.502.162)	(126.655.124.610)	(77.998.473.679)	
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(19.564.315.510)	(12.386.061.436)	(63.725.749.255)	(39.050.991.156)	
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		44.423.283.679	21.059.535.843	177.653.286.587	53.027.275.819	
31	12. Thu nhập khác	25	1.337.578.912	2.020.120.581	3.134.320.563	2.362.917.486	
32	13. Chi phí khác	25	(161.178.299)	(285.582.565)	(250.349.773)	(508.583.190)	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV/2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4/2017	Quý 4/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
40	14. Lợi nhuận khác	25	1.176.400.613	1.734.538.016	2.883.970.790	1.854.334.296
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27	45.599.684.292	22.794.073.859	180.537.257.377	54.881.610.115
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	(7.706.160.374)	(4.713.065.526)	(32.381.583.218)	(11.237.401.022)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.1	37.893.523.918	18.081.008.333	148.155.674.159	43.644.209.093
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	19.1	37.394.964.989	18.301.184.557	147.366.879.378	43.846.210.025
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20	498.558.929	(220.176.224)	788.794.781	(202.000.932)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.038	1.077	5.616	5.870
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	1.038	1.077	5.616	5.870





Trần Văn Hưng
Người lập

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 01 năm 2018


Phạm Quang Viên
Phụ trách kế toán

Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

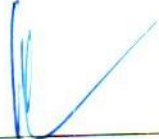
Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		180.537.257.377	54.881.610.115
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	16.482.116.486	7.249.117.720
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		36.522.472	(2.357.701)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(26.422.506.018)	(3.852.935.731)
06	Chi phí lãi vay	23	5.845.444.988	2.521.436.580
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		176.478.835.305	60.796.870.983
09	Giảm các khoản phải thu (Tăng) hàng tồn kho		15.474.151.359	14.907.265.716
10	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(19.341.733.957)	(8.035.080.960)
11	Tiền lãi vay đã trả		(5.148.347.579)	14.132.115.377
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.383.159.247)	3.153.609.475
14	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.847.542.032)	(2.458.980.471)
15		14	(31.593.923.765)	(7.751.000.000)
17			(2.198.027.043)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		111.440.253.041	74.744.800.120
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(52.580.924.323)	(8.770.326.368)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.227.272.726	600.559.594
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(96.300.000.000)	(81.049.352.991)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		98.641.713.251	20.188.507.014
25	Tiền (chi)/thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(60.353.902.436)	15.604.794.713
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.705.987.127	2.220.638.883
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(90.659.853.655)	(51.205.179.155)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		204.020.000.000	2.776.098.900
33	Tiền thu từ đi vay		71.502.039.548	83.964.847.645
34	Tiền trả nợ gốc vay		(79.614.626.173)	(69.699.878.682)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(80.274.760.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		115.632.653.375	17.041.067.863
50	Tăng tiền thuần trong năm		136.413.052.761	40.580.688.828
60	Tiền đầu năm		41.414.286.153	836.087.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(50.625.502)	(2.490.042)
70	Tiền cuối năm	5	177.776.713.412	41.414.286.153


Trần Văn Hưng
Người lập


Phạm Quang Viên
Phụ trách kế toán




Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSDC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Theo quyết định số 485/QĐ-SGDHCM do Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 26/12/2017 chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Taseco.

Mã chứng khoán: AST

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mã ISIN: VN0000000AST6

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

Số lượng cổ phiếu: 36.000.000 cổ phiếu (Ba mươi sáu triệu cổ phiếu)

Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng)

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 1.091 (31 tháng 12 năm 2016: 668).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 4 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Taseco Đà Nẵng")	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Taseco Sài Gòn") (*)	65%	65%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm, dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Taseco Oceanview Đà Nẵng")	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ¹ ("Taseco Media")	99,9%	99,9%	Tầng 1, Tòa nhà N02T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống.

¹ Tên trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. **THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

(*) Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100.000 cổ phần của Taseco Sài Gòn trị giá 1.000.000.000 đồng và nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Taseco Sài Gòn lên 65% (31 tháng 12 năm 2016: 55%).

2. **CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung

2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 **Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Đối với hàng tồn kho nguyên vật liệu, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Đối với hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá v.v.) có thể xảy ra đối với thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 6 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Một số nhà cửa, vật kiến trúc nhận góp vốn từ công ty mẹ được ghi nhận và trích khấu hao theo thời gian khấu hao còn lại từ 1 đến 5 năm.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không khấu hao.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 3 năm hoặc theo thời hạn thuê vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ và dụng cụ;
- ▶ Chi phí sửa chữa; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 *Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)*

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế

Nếu BCC quy định các bên trong BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ:

BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:

Nếu Tập đoàn kiểm soát BCC, Tập đoàn sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Nếu Tập đoàn không kiểm soát BCC, Tập đoàn ghi nhận phần lợi nhuận mà Tập đoàn được chia từ BCC trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã được thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được hạch toán như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh các kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh đã trả và giá trị tài sản thuần của "công ty bị mua" được ghi nhận vào "Vốn khác của chủ sở hữu" trong vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

Các hoạt động kinh doanh được tổ chức và quản lý riêng biệt theo bản chất sản phẩm và dịch vụ cung cấp, và bao gồm hai bộ phận kinh doanh sau:

- ▶ Hoạt động bán hàng và cung cấp các dịch vụ trong nhà ga và cảng hàng không; và
- ▶ Kinh doanh dịch vụ khách sạn và các dịch vụ liên quan khác.

Tập đoàn trình bày thông tin theo bộ phận tại Thuyết minh số 30.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG

Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Taseco Media")

Theo Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2017 và hợp đồng chuyển nhượng ngày 29 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 99,9% cổ phần của Công ty Taseco Media từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long ("Công ty Taseco Thăng Long"), công ty mẹ của Công ty, với tổng giá chuyển nhượng là 444.427.614 VND. Theo đó, Công ty Taseco Media trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Taseco Media là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106879359, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 26 tháng 6 năm 2017.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty Taseco Media là kinh doanh dịch vụ quảng cáo, viễn thông. Tập đoàn mua cổ phần của Công ty Taseco Media với mục đích phát triển mảng dịch vụ quảng cáo của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá đây là một giao dịch hợp nhất kinh doanh của hai công ty dưới sự kiểm soát chung và đã áp dụng phương pháp hợp nhất lợi ích để ghi nhận giao dịch này. Theo đó, cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của Công ty Taseco Media tại ngày nhận chuyển nhượng như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	90.525.178
Các khoản phải thu ngắn hạn	83.038.541
Tài sản ngắn hạn khác	1.123.727
Tài sản cố định hữu hình	353.909.765
Tài sản dài hạn khác	80.050.261
	<u>608.647.472</u>
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	35.000.000
Phải trả khác	128.774.986
	<u>163.774.986</u>
Tổng tài sản thuần	444.872.486
Cổ đông không kiểm soát	(44.872)
	<u>444.427.614</u>
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	90.525.178
Tiền chi để mua công ty con	(444.427.614)
	<u>(353.902.436)</u>
Tổng tiền thuần đã chi cho nghiệp vụ mua	

Kể từ ngày mua, Công ty Taseco Media đã phát sinh khoản lỗ với số tiền là 96.707.855 VND giảm trừ vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn.

Doanh thu và lỗ trước thuế của Công ty Taseco Media trong kỳ và trước ngày hợp nhất tương ứng là 88.000.000 VND và 124.517.181 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	4.081.509.397	5.420.804.831
Tiền gửi ngân hàng	28.420.352.070	35.924.364.072
Tiền đang chuyển	420.563.323	69.117.250
Các khoản tương đương tiền (*)	144.854.288.622	-
TỔNG CỘNG	<u>177.776.713.412</u>	<u>41.414.286.153</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 4,3% tới 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ khách hàng	6.448.167.616	4.497.109.514
- Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	-	520.824.540
- Công ty Dịch vụ Mobifone Khu vực 1 - CN Tổng công ty Viễn thông Mobifone	595.776.139	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.852.391.477	3.976.284.974
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	276.260.006	130.912.134
TỔNG CỘNG	6.724.427.622	4.628.021.648

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán	3.205.416.438	1.056.488.995
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	28.081.384.016
TỔNG CỘNG	3.205.416.438	29.137.873.011

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	-	-	78.641.713.251	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.440.229.596	-	7.566.286.871	-
Phải thu khác	16.107.338.046	-	4.692.787.485	-
TỔNG CỘNG	18.547.567.642	-	90.900.787.607	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	10.706.856.665	-	84.353.952.418	-
<i>Phải thu khác</i>	7.840.710.977	-	6.546.835.189	-
Dài hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (**)	150.220.439.740	-	75.220.439.740	-
Phải thu khác	8.514.139.763	-	155.700.000	-
TỔNG CỘNG	158.734.579.503	-	75.376.139.740	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	151.871.368.709	-	75.220.439.740	-
<i>Phải thu khác</i>	6.863.210.794	-	155.700.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Đây là các khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Công ty Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, vào các dự án:

(*) Dự án 1,1 ha tại Đà Nẵng: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO – OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng và Công ty Taseco Thăng Long cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất A1.1 thuộc Lô A1.1 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng do Công ty Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Trong kỳ, lô đất A1.1 đã được chuyển nhượng và các bên tạm xác định lợi nhuận từ việc hợp tác này. Theo đó, Công ty đã được hoàn khoản hợp tác đầu tư và ghi nhận thu nhập từ việc hợp tác này với số tiền là 22,5 tỷ VND (Thuyết minh số 21.2); và

(**) Dự án Hạ Long – Quảng Ninh: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng số 142/PL - HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 30 tháng 09 năm 2017, Công ty và Công ty Taseco Thăng Long cùng hợp tác đầu tư tại lô đất H33 và H30 thuộc Khu Hồn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, Phường Hùng Thắng, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Công ty Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp vốn với số tiền là 150,22 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	38.258.200.097	-	18.844.652.510	-
Nguyên liệu	1.699.927.661	-	1.643.653.048	-
Hàng đang đi trên đường	98.167.770	-	249.573.203	-
Công cụ, dụng cụ	214.521.610	-	191.204.420	-
TỔNG CỘNG	40.270.817.138	-	20.929.083.181	-

Hàng tồn kho của Công ty Taseco Đà Nẵng đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại thuyết minh số 18.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.749.951.646	527.921.967
Chi phí sửa chữa	637.750.849	520.786.361
Chi phí thuê mặt bằng	11.224.083.973	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.528.500.185	1.119.238.173
TỔNG CỘNG	15.140.286.653	2.167.946.501
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	8.211.418.279	3.645.885.860
Chi phí sửa chữa	70.053.389	1.189.952.508
Chi phí trả trước dài hạn khác	574.421.860	529.185.804
TỔNG CỘNG	8.855.893.528	5.365.024.172

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	64.386.472.034	16.411.846.597	879.449.221	21.759.383.705	103.437.151.557
Mua mới	-	7.425.117.907	140.138.000	24.271.164.571	31.836.420.478
Tặng do mua công ty con	-	-	-	493.827.568	493.827.568
Đầu tư XDCB hoàn thành	21.759.932.684	-	-	-	21.759.932.684
Thanh lý, nhượng bán	(207.046.546)	-	-	(1.108.725.719)	(1.315.772.265)
Giảm khác	(66.282.364)	-	-	-	(66.282.364)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	85.873.075.808	23.836.964.504	1.019.587.221	45.415.650.125	156.145.277.658
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.962.224.857	4.513.391.178	216.157.570	3.960.180.277	14.651.953.882
Khấu hao trong năm	6.044.218.583	3.841.606.382	119.962.871	6.310.823.288	16.316.611.124
Tặng do mua công ty con	-	-	-	139.917.803	139.917.803
Thanh lý, nhượng bán	(207.046.546)	-	-	(614.898.151)	(821.944.697)
Giảm khác	(66.282.364)	-	-	-	(66.282.364)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	11.733.114.530	8.354.997.560	336.120.441	9.796.023.217	30.220.255.748
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	58.424.247.177	11.898.455.419	663.291.651	17.799.203.428	88.785.197.675
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	74.139.961.278	15.481.966.944	683.466.780	35.619.626.908	125.925.021.910
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	48.155.805.196	5.865.731.059	-	21.303.546.232	75.325.082.487

(*) Một số tài sản đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.866.329.588	672.895.000	67.592.000	8.606.816.588
Mua mới	-	200.000.000	-	200.000.000
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.866.329.588	872.895.000	67.592.000	8.806.816.588
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	180.474.079	16.898.004	197.372.083
Hao mòn trong năm	-	148.607.358	16.898.004	165.505.362
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	329.081.437	33.796.008	362.877.445
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.866.329.588	492.420.921	50.693.996	8.409.444.505
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.866.329.588	543.813.563	33.795.992	8.443.939.143
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	7.866.329.588	-	-	7.866.329.588

(*) Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 18.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tỷ lệ sở hữu	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("Công ty VinaCS")	26,67%	-

Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần của VinaCS với giá trị là 60 tỷ VND từ Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, theo Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong VinaCS là 40% và VinaCS trở thành công ty liên kết của Công ty.

Theo biên bản họp số 148/2017/ĐHĐCĐ-BB ngày 10 tháng 10 năm 2017 và Nghị quyết số 149/NQ-ĐHĐCĐ-VINACS ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Công ty cổ phần dịch vụ suất ăn hàng không Việt Nam (VinaCS) về việc tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ VND lên 225 tỷ VND bằng việc phát hành thêm cổ phần cho cổ đông mới. Theo đó tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong VinaCS giảm xuống còn 26,67%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty VinaCS

Giá trị đầu tư:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-
- Tăng giá trị đầu tư (*)	60.000.000.000
	<u>60.000.000.000</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-
- Phần lỗ từ công ty liên kết kể từ ngày mua	(11.161.732.232)
- Doanh thu tài chính từ việc giảm tỷ lệ sở hữu trong năm	7.068.607.482
	<u>(4.093.124.750)</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>55.906.875.250</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Châu Thông	4.310.713.003	4.310.713.003	2.297.502.703	2.297.502.703
Phải trả cho người bán khác	36.570.154.165	36.570.154.165	19.273.626.599	19.273.626.599
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.462.708.270	2.462.708.270	-	-
TỔNG CỘNG	<u>43.343.575.438</u>	<u>43.343.575.438</u>	<u>21.571.129.302</u>	<u>21.571.129.302</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13.2 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP truyền thông Sân bay Đà Nẵng	3.084.136.627	3.084.136.627	-	-
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật & Khoa Học OPPO	1.173.431.400	1.173.431.400	-	-
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	1.791.666.667	1.791.666.667	-	-
Công ty TNHH MTV Sun Đà Nẵng Travel International	1.651.650.000	1.651.650.000	-	-
Các khoản trả trước từ khách hàng khác	4.371.330.344	4.371.330.344	2.733.676.735	2.733.676.735
TỔNG CỘNG	12.072.215.038	12.072.215.038	2.733.676.735	2.733.676.735

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Thuế giá trị gia tăng	1.734.090.405	20.082.470.035	(20.718.108.859)	1.098.451.581
Thuế tiêu thụ đặc biệt	123.063.407	1.545.920.276	(1.543.191.423)	125.792.260
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.379.443.527	32.381.583.218	(31.593.923.765)	7.167.102.980
Thuế thu nhập cá nhân	353.922.142	1.624.567.912	(1.695.398.155)	283.091.899
Các loại thuế khác	6.847.697	138.531.621	(142.663.592)	2.715.726
TỔNG CỘNG	8.597.367.178	55.773.073.062	(55.693.285.794)	8.677.154.446

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí sửa chữa	-	381.855.000
Chi phí ăn ca	619.646.250	322.222.500
Chi phí phải trả khác	1.210.285.941	1.068.818.393
TỔNG CỘNG	1.829.932.191	1.772.895.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Doanh thu dịch vụ quảng cáo	-	3.754.659.287
TỔNG CỘNG	-	3.754.659.287

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	970.096.571	2.237.502.825
Phải trả bảo hiểm	86.955.940	931.529.785
Nhận đặt cọc ngắn hạn	323.000.000	204.000.000
Phải trả nhân viên	-	171.656.887
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	39.191.289.901
Các khoản phải trả khác	1.446.631.582	932.747.992
TỔNG CỘNG	2.826.684.093	43.668.727.390

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số phát sinh trong năm		Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	26.915.786.753	26.915.786.753	131.571.622.440	(129.116.882.665)	29.370.526.528	29.370.526.528	
Vay dài hạn đến hạn trả	6.072.400.000	6.072.400.000	12.901.700.000	(8.600.100.000)	10.374.000.000	10.374.000.000	
Vay đối tượng khác	-	-	9.000.000.000	(9.000.000.000)	-	-	
TỔNG CỘNG	32.988.186.753	32.988.186.753	153.473.322.440	(146.716.982.665)	39.744.526.528	39.744.526.528	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	34.454.200.000	34.454.200.000	13.992.400.000	(27.791.700.000)	20.654.900.000	20.654.900.000	
TỔNG CỘNG	34.454.200.000	34.454.200.000	13.992.400.000	(27.791.700.000)	20.654.900.000	20.654.900.000	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18.	VAY (tiếp theo)				
18.1	Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn				
			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>
		<i>Hợp đồng</i>			<i>Hình thức đảm bảo</i>
	Ngân hàng				
	Ngân hàng TMCP	01/2017-	29.370.526.528	Trả lãi 25 hàng	+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài
	Công Thương Việt	HDTDHM/		tháng, thời hạn trả	sản gắn liền với đất số 01/2015-HĐTC/NHCT480-
	Nam – Chi nhánh	NHCT480-		nợ gốc 4 tháng	TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương
	Đà Nẵng	TASECO			Việt Nam và Công ty Taseco Thăng Long.
					+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài
					sản gắn liền với đất số 02/2015-HĐTC/NHCT480-
					TASECO ký giữa Ngân hàng TMCP Công Thương
					Việt Nam và ông Đoàn Trung Hiếu.
					+ Hợp đồng thế chấp hàng hóa số
					03/2015/HĐTC/NHCT480-TASECO ký giữa Ngân
					hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Taseco
					Đà Nẵng.
					+ Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển
					số 04/2015-HĐTC/NHCT480-TASECO giữa Ngân
					hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Công ty
					Taseco Đà Nẵng.

29.370.526.528

TỔNG CỘNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Hợp đồng số	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long	26/2016- HĐTD/NHCT145 -TASECONB	1.894.200.000	Từ 12 tháng 5 năm 2016 đến 12 tháng 5 năm 2021	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 10%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,3 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-165.92 với giá trị còn lại 751.908.064 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-166.70 với giá trị còn lại 751.908.064 VND + Xe ô tô Toyota Camry biến kiểm soát 30E-165.50 với giá trị còn lại 835.589.173 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i> Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long	76/2016- HĐTDDA/NHCT 145-TASECO	554.400.000 1.590.000.000	Từ 16 tháng 12 năm 2016 đến 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,4%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,5 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-583.19 với giá trị còn lại 843.901.138 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-584.83 với giá trị còn lại 843.901.138 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-584.59 với giá trị còn lại 843.901.138 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i> Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long	14/2017- HĐTDDA/NHCT 145-TASECO	798.000.000 3.190.000.000	10 tháng 3 năm 2017 đến ngày 10 tháng 3 năm 2020	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,7%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 4,8 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-720.45 với giá trị còn lại 967.337.249 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-718.86 với giá trị còn lại 967.337.249 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.14 với giá trị còn lại 967.337.249 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-719.97 với giá trị còn lại 967.337.249 VND + Xe ô tô Toyota Camry 2.0E biến kiểm soát 30E-721.39 với giá trị còn lại 967.337.249 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		1.416.000.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hợp đồng số</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	36/2017-HĐTDDA/N HCT145-TASECO	1.532.400.000	21 tháng 6 năm 2017 đến ngày 21 tháng 6 năm 2020	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,1 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-747.66 với giá trị còn lại 1.093.316.476 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 30E-747.91 với giá trị còn lại 1.093.316.476 VND"
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		612.000.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	38/2017-HĐTDDA/N HCT145-TASECO	2.147.000.000	26 tháng 6 năm 2017 đến ngày 26 tháng 6 năm 2020	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,7 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-402.37 với giá trị còn lại 685.889.893 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-403.55 với giá trị còn lại 685.889.893 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-402.31 với giá trị còn lại 685.889.893 VND + Xe ô tô Ford Transit biển kiểm soát 29B-403.54 với giá trị còn lại 685.889.893 VND"
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		858.000.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Hợp đồng số</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	48/2017-HĐCVDA/NH CT145-TASECO	2.374.600.000	26 tháng 7 năm 2017 đến ngày 26 tháng 7 năm 2020	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 3,4 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-505.52 với giá trị còn lại 1.116.230.080 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-505.66 với giá trị còn lại 1.116.230.080 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-505.81 với giá trị còn lại 1.116.230.080 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		919.200.000			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	36/2017-HĐTDDA/NH CT145-TASECO	1.575.400.000	26 tháng 7 năm 2017 đến ngày 26 tháng 7 năm 2020	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,8%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng giá trị còn lại là 2,2 tỷ VND bao gồm: + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-505.22 với giá trị còn lại 1.116.230.080 VND + Xe ô tô Toyota Fortuner biến kiểm soát 30E-504.99 với giá trị còn lại 1.116.230.080 VND
<i>Trong đó: Đến hạn trả</i>		631.200.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Hợp đồng số	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	260/2015/MC B – KHDN	16.080.000.000	108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất năm 2017 là : 9,3%/năm.	Quyền góp vốn của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco vào Công ty; tài sản hình thành từ vốn vay sử dụng cho công trình xây dựng, bao gồm tầng hầm, tầng 1, 2, 22, 23 của Khách sạn A La Carte tại 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.
Trong đó: Đến hạn trả		4.440.000.000			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	0195/KHBL/1 7TH	645.300.000	Trả gốc và lãi vay trả dần vào ngày 26 hàng tháng	Lãi suất trong kỳ là 7,7%	+ Xe ô tô Toyota Fortuner biển kiểm soát 51F-473.48 với giá trị còn lại 1.084.408.336 VND
Trong đó: Đến hạn trả		145.200.000			
TỔNG CỘNG		31.028.900.000			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả		10.374.000.000			
Vay dài hạn		20.654.900.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Lợi ích thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Đơn vị tính: VND
	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	27.126.277.100	99.944.279	-	27.226.221.379	
- Tăng vốn	133.353.722.900	-	25.836.393	133.379.559.293	
- Lợi nhuận trong năm	-	43.846.210.025	(202.000.932)	43.644.209.093	
- Trích các quỹ	-	(868.938.945)	-	(868.938.945)	
- Chia lợi nhuận (***)	-	(1.637.502.825)	-	(1.637.502.825)	
- Giám khác	-	(1.000.000)	-	(1.000.000)	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	160.480.000.000	41.438.712.534	(176.164.539)	201.742.547.995	
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	160.480.000.000	41.438.712.534	(176.164.539)	201.742.547.995	
- Tăng vốn	199.520.000.000	-	4.500.000.000	204.020.000.000	
- Thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	5.573.415	(1.005.573.415)	(1.000.000.000)	
- Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	147.366.879.378	788.794.781	148.155.674.159	
- Trích các quỹ	-	-	-	-	
- Tăng do mua công ty con	-	-	444.872	444.872	
- Lỗ do mua công ty liên kết	-	-	-	-	
- Cổ tức chia cho cổ đông (**)	-	(80.240.000.000)	(34.560.000)	(80.274.560.000)	
- Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	-	(1.378.227.043)	(5.836.393)	(1.384.063.436))	
- Giám khác (*)	-	(1.948.129.058)	-	(1.948.129.058)	
- Chia lợi nhuận (***)	-	-	-	-	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	360.000.000.000	105.244.809.226	4.067.105.306	469.311.914.532	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Theo Biên bản số 04/2017/ĐHĐCĐ-BB và Nghị quyết số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ 160,48 tỷ VND lên 361,08 tỷ VND. Theo Biên bản họp số 07/2017/BB-HĐQT và Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân phối nhưng không thực hiện quyền mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần.
- (**) Theo Nghị quyết số 02/2017/ĐHĐCĐ-NQ ngày 11 tháng 4 năm 2017 và Biên bản họp số 02/2017/ĐHĐCĐ-BB ngày 11 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền cho năm 2016 và theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2017 phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền Quý I năm 2017 với tổng số tiền là 80,24 tỷ VND. Số cổ tức đã được thanh toán cho các cổ đông hiện hữu trong kỳ là 80,24 tỷ VND.
- (***) Đây là khoản lợi nhuận chia cho cá nhân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh như trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Taseco Thăng Long	216.000.000.000	216.000.000.000	-	160.450.000.000	160.450.000.000	-
Các cổ đông khác	144.000.000.000	144.000.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-
TỔNG CỘNG	360.000.000.000	360.000.000.000	-	160.480.000.000	160.480.000.000	-

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	360.000.000.000	160.480.000.000
Số đầu năm	160.480.000.000	27.126.277.100
Vốn góp trong năm	199.520.000.000	133.353.722.900
Trong đó:		
Bằng tiền	199.520.000.000	2.776.098.900
Bằng chi phí	-	97.624.000
Bằng các khoản đầu tư vào công ty con	-	130.480.000.000
	360.000.000.000	160.480.000.000
Số cuối năm		
Cổ tức đã chia	80.240.000.000	-

19.4 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	360.000.000.000	16.048.000	160.480.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2017: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VND

	<i>Taseco Đà Nẵng</i>	<i>Taseco Media</i>	<i>Taseco Sài Gòn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Vốn đã góp	20.000.000	15.000.000	3.500.000.000	3.535.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	71.896.241	(14.651.835)	509.420.900	566.665.306
Cổ tức đã chia lũy kế	(34.560.000)	-	-	(34.560.000)
	57.336.241	348.165	4.009.420.900	4.067.105.306
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Phần lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	46.126.274	(96.708)	742.765.215	788.794.781
	46.126.274	(96.708)	742.765.215	788.794.781

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	<i>Quý 4/2017</i>	<i>Quý 4/2016</i>	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017</i>	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016</i>
Tổng doanh thu	179.027.471.401	115.830.083.290	659.026.353.204	316.889.542.561
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán hàng</i>	103.747.649.221	54.868.423.734	348.135.601.890	189.478.896.593
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	75.279.822.180	60.961.659.556	310.890.751.314	127.410.645.968
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần	179.027.471.401	115.830.083.290	659.026.353.204	316.889.542.561
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	103.747.649.221	54.868.423.734	348.135.601.890	189.478.896.593
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	75.279.822.180	60.961.659.556	310.890.751.314	127.410.645.968
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	371.338.128	1.604.940.712	1.960.657.378	7.205.666.988
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	178.656.133.273	114.225.142.578	657.065.695.826	309.683.875.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND			
	Quý 4/2017	Quý 4/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.164.984.372	1.572.571.187	2.822.360.210	3.852.935.731
Lãi phải thu dự án hợp tác kinh doanh	3.965.788.740	-	3.965.788.740	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	353.921.056	165.488.503	968.020.829	306.465.703
Lợi nhuận được chia (*)	6.616.582.175	-	22.500.209.092	-
Chiết khấu thanh toán	-	14.474.200	2.390.908	14.474.200
Lãi từ thay đổi vốn công ty liên kết	7.068.607.482	-	7.068.607.482	-
TỔNG CỘNG	19.169.883.825	1.752.533.890	37.327.377.261	4.173.875.634

(*) Đây là khoản thu nhập ghi nhận từ việc hợp tác đầu tư của Tập đoàn với Công ty Taseco Thăng Long - công ty mẹ của Công ty, vào dự án 1.1 ha tại Đà Nẵng theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO – OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Thuyết minh số 7).

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND			
	Quý 4/2017	Quý 4/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	43.452.689.943	33.970.987.163	146.129.751.607	94.285.320.226
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.244.923.865	23.101.637.067	164.746.081.736	54.161.972.098
TỔNG CỘNG	88.697.613.808	57.072.624.230	310.875.833.343	148.447.292.324

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND			
	Quý 4/2017	Quý 4/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
Chi phí lãi vay	976.716.949	1.413.486.002	5.845.444.988	2.521.436.580
Lỗ chênh lệch tỷ giá	249.941.433	17.407.507	436.559.450	17.948.637
TỔNG CỘNG	1.226.658.382	1.430.893.509	6.282.004.438	2.539.385.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Quý 4/2017</i>	<i>Quý 4/2016</i>	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017</i>	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng				
Chi phí nhân công	16.672.327.262	5.557.062.066	54.187.699.765	31.733.321.853
Chi phí thuê kho, mặt bằng	12.361.801.007	8.414.108.692	36.987.567.541	19.890.816.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.412.851.470	8.452.864.788	22.809.506.060	17.027.058.757
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.629.524.164	2.599.509.635	6.346.173.729	7.000.550.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.741.327.746	581.853.357	4.662.627.243	2.191.363.352
Chi phí khác	86.632.311	28.103.624	1.661.550.272	155.362.860
TỔNG CỘNG	<u>37.904.463.960</u>	<u>25.633.502.162</u>	<u>126.655.124.610</u>	<u>77.998.473.679</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp				
Chi phí nhân công	11.070.905.134	5.739.414.765	36.089.112.896	17.627.635.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.574.514.470	5.642.641.632	17.779.966.503	13.017.512.122
Chi phí thuê kho, mặt bằng	832.650.579	381.275.830	2.718.136.027	1.487.491.891
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	145.099.503	87.111.974	1.653.885.103	690.970.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	529.442.473	233.550.603	1.659.688.397	615.607.144
Chi phí tư vấn và phí bản quyền	330.000.000	-	705.000.000	4.500.000.000
Chi phí khác	81.703.351	302.066.632	3.119.960.329	1.111.773.903
TỔNG CỘNG	<u>19.564.315.510</u>	<u>12.386.061.436</u>	<u>63.725.749.255</u>	<u>39.050.991.156</u>

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Quý 4/2017</i>	<i>Quý 4/2016</i>	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017</i>	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016</i>
Thu nhập khác	1.337.578.912	2.020.120.581	3.134.320.563	2.362.917.486
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	-	1.227.272.726	-
Thu nhập từ khuyến mại sim chủ	1.185.440.981	274.940.763	1.384.140.130	376.686.935
Hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	-	1.440.000.000	-	1.440.000.000
Khác	152.137.931	305.179.818	522.907.707	546.230.551
Chi phí khác	161.178.299	285.582.565	250.349.773	508.583.190
Chi phí khác	161.178.299	285.582.565	250.349.773	508.583.190
LỢI NHUẬN THUẬN KHÁC	<u>1.176.400.613</u>	<u>1.734.538.016</u>	<u>2.883.970.790</u>	<u>1.854.334.296</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 4/2017	Quý 4/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.530.312.537	39.036.889.682	195.473.071.793	120.053.451.436
Chi phí nhân công	40.455.477.398	20.805.706.220	130.388.438.659	64.839.595.379
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.108.007.780	3.008.630.372	16.482.116.486	7.249.117.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.535.565.950	24.154.582.532	154.836.906.899	64.483.967.103
Chi phí khác	537.029.613	8.086.379.022	4.076.173.371	8.870.625.521
TỔNG CỘNG	<u>146.166.393.278</u>	<u>95.092.187.828</u>	<u>501.256.707.208</u>	<u>265.496.757.159</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.381.583.218	11.237.401.022
TỔNG CỘNG	<u>32.381.583.218</u>	<u>11.237.401.022</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017</i>	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	180.537.257.377	54.881.610.115
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con	36.107.451.475	10.976.322.023
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được trừ thuế khác	56.780.120	261.078.999
Khoản lỗ từ công ty liên kết	818.624.951	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(4.500.041.818)	-
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ năm trước mang sang	(101.231.510)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>32.381.583.218</u>	<u>11.237.401.022</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 96.707.855 VND đã sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong kỳ. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
2016 (*)	2021	506.157.552	(506.157.552)	-	-
2017(**)	2022	96.707.855	-	-	96.707.855
TỔNG CỘNG		<u>602.865.407</u>	<u>(506.157.552)</u>	<u>-</u>	<u>96.707.855</u>

(*) Lỗ tính thuế ước tính của Công ty Taseco Sài Gòn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

(**) Lỗ tính thuế ước tính của Công ty Taseco Media chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017</i>	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016</i>
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Cho vay	139.500.000.000	81.585.809.263
		Thu hồi cho vay	139.500.000.000	101.774.316.277
		Doanh thu từ lãi vay	1.452.576.390	3.820.861.576
		Lãi thu từ hợp tác dự án Hạ Long	3.965.788.740	-
		Góp vốn	199.490.000.000	133.323.722.900
		Trả tiền góp vốn và lãi	-	-
		Cổ tức công bố	80.225.000.000	-
		Cổ tức đã trả	80.225.000.000	-
		Góp vốn hợp tác đầu tư	75.000.000.000	75.220.439.740
		Tiền nhận chuyển nhượng cổ phần VinaCS	60.000.000.000	-
		Tiền nhận chuyển nhượng cổ phần Media	444.427.614	-
		Phí thuê mặt bằng, dịch vụ hợp tác kinh doanh	3.154.518.648	-
		Thanh toán lợi nhuận, các quỹ chưa phân phối của Taseco Đà Nẵng và Taseco Oceanview Đà Nẵng	39.191.289.901	-
		Phải trả liên quan đến giao dịch góp vốn bằng khoản đầu tư vào Taseco Đà Nẵng	-	39.191.289.901
		Chi phí thuê căn hộ	-	8.909.700.000
		Đặt cọc thuê quầy	650.928.969	-
		Chi hộ tiền thuế cho căn hộ Oceanview	2.523.700.000	-
		Nhận tiền nộp thuế cho căn hộ Oceanview	2.523.700.000	-
		Thuê căn hộ	40.582.333.000	12.000.000.000
		Nhận lại tiền hợp tác đầu tư	78.641.713.251	-
		Lãi phải thu từ hợp tác đầu tư	22.500.209.092	-
		Lãi đã nhận từ hợp tác đầu tư	15.883.626.917	-
		Đi vay	9.000.000.000	-
Trả tiền gốc vay	9.000.000.000	-		
Thu nhập hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	2.592.000.000	1.440.000.000		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	564.462.726	6.175.013.878		
Phí tư vấn và nhượng quyền kinh doanh	-	7.500.000.000		
Thanh toán lãi vay	1.452.576.390	-		
Taseco Media	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	8.920.455
		Mua hàng hóa	-	20.324.702
		Chi tiếp khách	-	47.440.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
			đến cuối quý 4 năm 2017	đến cuối quý 4 năm 2016
VinaCS	Công ty liên kết	Thu nhập từ lãi cho vay	369.991.438	-
		Cho vay	20.000.000.000	-
		Thu hồi cho vay	20.000.000.000	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	213.000.000	34.780.909
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.720.544	-
Công ty CP Đầu tư Bất động sản TASECO	Công ty cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	50.000.000	-
		Doanh thu bán hàng	81.531.820	344.315.003
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khai Thác Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	69.852.728	-
		Mua dịch vụ	3.346.034.306	-
		Chi phí tiện ích khác	28.366.400	-
		Chuyển tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1.087.960.000	-
Công ty Quản lý Bất động sản quốc tế	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	262.916.832	6.981.818
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	1.933.636	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản Phú Mỹ	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	37.473.637	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng TASECO	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu bán hàng	308.989.998	-
Ông Nguyễn Minh Hải	Cổ đông	Góp vốn vào Taseco Sài Gòn	3.000.000.000	-
		Chuyển nhượng cổ phần	1.000.000.000	-
Trần Thị Loan	Cổ đông	Góp vốn vào Taseco Sài Gòn	1.500.000.000	-
		Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	-	15.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Cổ đông	Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	-	15.000.000
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	583.775.456	635.654.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty TNHH Hàng miễn thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn Taseco Thăng Long	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	9.601.000	4.245.000
Công ty Taseco Media	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	107.607.134
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc Tế	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	4.634.006	-
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	262.025.000	19.060.000
			276.260.006	130.912.134
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i>				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Trả trước tiền thuế căn hộ	-	28.081.384.016
			-	28.081.384.016
<i>Phải thu khác (Thuyết minh số 7)</i>				
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Chi hộ tiền dịch vụ phòng	6.525.750	-
		Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	78.641.713.251
		Chi hộ trả hộ	-	220.063.636
		Lãi phải thu từ góp vốn dự án	10.582.370.915	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khai Thác Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng		Chi hộ	117.960.000	-
Các cá nhân liên quan khác	Cá nhân liên quan	Tạm ứng	-	5.492.175.531
			10.730.112.915	84.353.952.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

28. NGHIỆP VỤ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu khác (Thuyết minh số 7) (tiếp theo)				
Dài hạn				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	150.220.439.740	75.220.439.740
		Đặt cọc	650.928.969	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco Thăng Long	Đặt cọc thực hiện dịch vụ	1.000.000.000	-
			151.871.368.709	75.220.439.740
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Thuê căn hộ	2.213.655.984	-
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Thuê quầy và nhượng quyền	249.052.285	-
			2.462.708.270	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Công ty Taseco Thăng Long	Công ty mẹ	Nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào các công ty con nhận đặt cọc	-	39.191.289.901
			-	39.191.289.901

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
Lương và thưởng	1.271.780.000	1.253.560.000
Thu nhập khác	108.120.000	112.350.000
TỔNG CỘNG	1.379.900.000	1.365.910.000

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4 năm 2016
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	147.366.879.378	43.846.210.025
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(217.234.736)
Phải trả cho bên hợp tác kinh doanh (**)	(1.948.129.058)	(1.637.502.825)
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	145.418.750.320	41.991.472.464
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.895.693	7.153.095
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	25.895.693	7.153.095
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.616	5.870
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.616	5.870

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận của năm 2016 theo Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2017 của Công ty và các công ty con.

(**) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu được điều chỉnh cho khoản phải trả cho bên hợp tác kinh doanh theo quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh của Taseco Đà Nẵng với đối tác.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

30. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng với Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 8 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 19 tháng 9 năm 2018;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Sài Gòn với Cảng Hàng không Quốc tế Sài Gòn – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 11 tháng 1 năm 2020;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc với Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 10 tháng 4 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng thuê các phòng khách sạn thuộc Khách sạn À La Carte Đà Nẵng với Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng không Thăng Long với thời hạn đến ngày 30 tháng 9 năm 2020; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	66.546.117.864	21.211.268.040
Trên 1 – 5 năm	143.529.191.059	27.318.284.251
TỔNG CỘNG	210.075.308.923	48.529.552.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

31. **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**
Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.


Trần Văn Hưng
Người lập


Phạm Quang Viên
Phụ trách kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 01 năm 2018